

Số: /BC-CTK

Hưng Yên, ngày 28 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên tháng 6
và 6 tháng đầu năm 2023

Sáu tháng đầu năm 2023, trong bối cảnh tình hình thế giới chịu tác động kéo dài của đại dịch Covid-19, xung đột giữa Nga và U-Crai-na, chính sách tiền tệ thắt chặt hơn để kiềm chế lạm phát, chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao,... Các yếu tố trên đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh trong nước và trong tỉnh, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt các giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục sản xuất; thúc đẩy phát triển kinh tế sau dịch, đảm bảo an sinh xã hội; cùng với sự nỗ lực phấn đấu của người dân và doanh nghiệp trong tỉnh, đến nay, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục đạt kết quả khá tích cực.

1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) 6 tháng năm 2023 ước tính tăng 8,21% so với cùng kỳ năm 2022. So với các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng thì Hưng Yên đứng thứ 4/11 tỉnh, thành phố và đứng thứ 7/63 tỉnh, thành phố của cả nước. Tăng trưởng kinh tế một số tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng như: Hải Phòng tăng 9,94%; Quảng Ninh tăng 9,46%; Nam Định tăng 8,5%; Bắc Ninh giảm 12,59%; Hải Dương tăng 7,23%; Thái Bình tăng 7,77%; Hà Nam tăng 6,22%;...

Về sản xuất nông nghiệp và thủy sản: sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm tương đối ổn định, không có dịch bệnh xảy ra đối với cây trồng và vật nuôi. Năng suất của hầu hết các loại cây trồng đều tăng so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên, do diện tích gieo trồng các loại cây hằng năm tiếp tục giảm nên sản lượng cây trồng hằng năm giảm. Sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh cơ bản vẫn giữ được ổn định và đã từng bước đa dạng giống nuôi trồng. Ước sáu tháng đầu năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng 2,28%, đóng góp 0,23 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung.

Về sản xuất công nghiệp và xây dựng: Sản xuất công nghiệp trong 6 tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn do tác động suy thoái kinh tế của các nước lớn trên thế giới. Các doanh nghiệp cùng lúc phải chịu ảnh hưởng từ việc thị trường một số sản phẩm xuất khẩu bị thu hẹp; thiếu vốn; lãi vay, tỷ giá ngoại tệ biến động tăng; chi phí sản xuất kinh doanh tăng;... Một số ngành công nghiệp của tỉnh chịu ảnh hưởng nhiều như: sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất kim loại; sản

xuất linh kiện điện tử; sản xuất hàng may mặc;... Bên cạnh đó, hoạt động xây dựng cũng chịu ảnh hưởng do giá cả nguyên vật liệu xây dựng tăng cao. Ước tính tốc độ tăng trưởng khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 7,43% (trong đó công nghiệp đạt 6,91%), đóng góp 4,47 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung.

Về hoạt động thương mại, dịch vụ: sáu tháng đầu năm 2023, các hoạt động kinh doanh dịch vụ tiếp đà phục hồi và phát triển sau dịch Covid-19. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng cao so với cùng kỳ năm trước và là ngành có đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Ước sáu tháng đầu năm, tốc độ tăng trưởng khu vực thương mại, dịch vụ đạt 12,67%, đóng góp 2,97 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung. Ngành kinh doanh bất động sản có đóng góp lớn vào tăng trưởng của khu vực dịch vụ (9,94 điểm phần trăm) và tăng trưởng chung của tỉnh (2,32 điểm phần trăm).

Ước thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm sáu tháng đầu năm 2023 ước tăng 8,56%, đóng góp 0,54 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung.

2. Nông nghiệp và thủy sản

a) Trồng trọt

Cây hàng năm: Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ đông xuân toàn tỉnh đạt 38.211 ha, giảm 5,79%, tương ứng giảm 2.348 ha so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, diện tích gieo trồng lúa 25.335 ha, giảm 6,50%, tương đương giảm 1.761 ha. Vụ xuân năm nay, tỉnh tiếp tục mở rộng diện tích gieo trồng lúa chất lượng cao như: Bắc thơm số 7 (5.003 ha); Nếp thơm Hưng Yên (2.944 ha); Đài thơm 8 (2.112 ha);... và các giống lúa lai, lúa năng suất cao. Diện tích gieo trồng một số cây hàng năm khác như sau: ngô 2.262 ha, giảm 3,71% (giảm 87 ha); cây lấy củ có chất bột 437 ha, giảm 8,61% (giảm 41 ha); cây có hạt chứa dầu 783 ha¹, giảm 9,23% (giảm 80 ha); cây rau, đậu, hoa các loại 8.455 ha², giảm 4,01% (giảm 353 ha); cây hằng năm khác 939 ha, giảm 2,59% (giảm 25 ha).

Diện tích gieo trồng vụ đông xuân năm nay giảm mạnh và chủ yếu giảm ở diện tích lúa, nguyên nhân chính là do tỉnh tiếp tục thực hiện chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (xây dựng Khu công nghiệp Viglacera giai đoạn 2; Khu công nghiệp số 5; Khu công nghiệp Thăng Long) và chuyển sang trồng cây lâu năm (06 tháng đầu năm, toàn tỉnh đã chuyển đổi được khoảng 250 ha chủ yếu là chuyển sang trồng cây ăn quả và cây trồng hàng năm có hiệu quả kinh tế cao hơn). Diện tích gieo trồng giảm nhiều ở các huyện Yên Mỹ (giảm 461 ha) và huyện Ân Thi (giảm 536 ha).

¹ Diện tích cây đậu tương 336 ha, giảm 15,56% (giảm 62 ha); cây lạc 445 ha, giảm 3,65% (giảm 17 ha).

² Diện tích rau các loại 7.507 ha, giảm 3,30% (257 ha); đậu đỗ các loại 263 ha, giảm 14,32% (giảm 44 ha); hoa các loại 685 ha, giảm 7,1% (- 52,4 ha).

Năng suất sơ bộ một số cây hàng năm như sau: lúa 67,59 tạ/ha, tăng 0,01% (tăng 0,01 tạ/ha); ngô 58,79 tạ/ha, giảm 3,19% (giảm 1,94 tạ/ha); khoai lang 155,99 tạ/ha, tăng 0,82% (tăng 1,27 tạ/ha); lạc 35,34 tạ/ha, tăng 0,37% (tăng 0,13 tạ/ha); đậu tương 19,09 tạ/ha, giảm 1,0% (giảm 0,19 tạ/ha); rau các loại 256,39 tạ/ha, tăng 0,18% (tăng 0,46 tạ/ha).

Sản lượng sơ bộ một số cây hàng năm vụ đông xuân như sau: lúa 171.238 tấn, giảm 6,49% (giảm 11.878 tấn); ngô 13.296 tấn, giảm 6,79% (giảm 968 tấn); lạc 1.571 tấn, giảm 3,30% (giảm 54 tấn); đậu tương 642 tấn, giảm 16,40% (giảm 126 tấn); sản lượng rau các loại 192.478 tấn, giảm 3,13% (giảm 6.219 tấn).

Hiện nay, các địa phương đang đẩy nhanh tiến độ làm đất, gieo mạ và chăm sóc mạ phục vụ gieo cấy lúa mùa. Đến ngày 26/6/2023, diện tích làm đất lần 1 đạt 23.916 ha; diện tích làm đất lần 2 đạt 13.560 ha; diện tích gieo mạ vụ mùa 1.804 ha; diện tích gieo cấy vụ mùa 1.686 ha (trong đó: gieo thẳng 1.127 ha, diện tích cấy 559 ha). Bên cạnh việc chuẩn bị cho gieo cấy lúa mùa, nông dân trong tỉnh hiện đã gieo trồng được 1.195 ha cây rau màu vụ hè thu; thu hoạch rau màu vụ xuân đạt 4.267 ha.

Cây lâu năm: Ước tổng diện tích cây lâu hiện có khoảng 15.757 ha (trong đó diện tích cây ăn quả 14.745 ha, chiếm 93,58%), tăng 1,37%, tương ứng tăng 213 ha so với cùng kỳ năm trước. Cây lâu năm trên địa bàn tỉnh chủ yếu là cây ăn quả với. Diện tích trồng một số cây ăn quả chủ yếu như sau: chuối 2.669 ha, giảm 1,92% (giảm 52 ha); cam 1.885 ha, giảm 6,10% (giảm 122 ha); bưởi 2.104 ha, tăng 5,36% (tăng 7 ha); nhãn 4.821 ha, tăng 1,48% (tăng 70 ha); vải 1.253 ha, tăng 3,92% (tăng 47 ha). Ước sản lượng một số cây ăn quả trong sáu tháng đầu năm như sau: chuối 51.516 tấn, tăng 2,61% (tăng 1.310 tấn); cam 21.342 tấn, giảm 3,33% (giảm 735 tấn); táo đạt 4.200 tấn, tăng 2,87% (tăng 117 tấn); cây quýt cảnh đạt 2.860 nghìn cây, tăng 4,65% (tăng 127 nghìn cây).

b) Chăn nuôi

Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh đã tổ chức triển khai được 01 đợt tổng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường (từ ngày 01/3 -31/3/2023); triển khai tiêm phòng các loại vắc xin đúng theo kế hoạch. Hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua cơ bản ổn định và phát triển, không có dịch bệnh nguy hiểm xảy ra trên đàn gia súc, gia cầm.

Ước tính tại thời điểm 01/6/2023, đàn gia súc, gia cầm của tỉnh như sau: đàn lợn 507.150 con, tăng 4,79% (tăng 23.200 con) so với cùng thời điểm năm trước; đàn trâu 4.512 con, tăng 1,01% (tăng 45 con); đàn bò 30.947 con, giảm 0,82% (giảm 256 con); đàn gia cầm 9.372 nghìn con, tăng 1,06% (tăng 98 nghìn con).

Ước tính sản lượng thịt hơi xuất chuồng sáu tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 như sau: thịt lợn 56.348 tấn, tăng 7,01% (tăng 3.691 tấn); thịt trâu 228 tấn, tăng 4,59% (tăng 10 tấn); thịt bò 2.299 tấn, tăng 4,26% (tăng 94 tấn); thịt gia cầm 22.062 tấn, tăng 5,02% (tăng 1.054 tấn).

Hiện hình thức và quy mô chăn nuôi tiếp tục chuyển dần theo hướng giảm chăn nuôi quy mô nông hộ, tăng chăn nuôi quy mô trang trại bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường gắn với việc thi hành Luật Chăn nuôi.

c) Nuôi trồng thủy sản

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh ước đạt 5.216 ha, giảm 16 ha, tương ứng giảm 0,3% so với cùng kỳ năm trước. Loại cá nuôi chính vẫn là cá trắm, chép, trôi để tận dụng các tầng nước và thức ăn cho từng loại để khai thác triệt để diện tích nuôi và thức ăn thừa. Ước tính sản lượng thủy sản nuôi trồng 6 tháng đầu năm toàn tỉnh đạt 26.980 tấn, tăng 3,51%, tương ứng tăng 917 tấn so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: sản lượng cá 26.555 tấn, tăng 3,54%; tôm 135 tấn, tăng 3,47%; thủy sản khác 291 tấn, tăng 1,71%. Nghề khai thác thủy sản trong tỉnh nhìn chung kém phát triển, tổng sản lượng 6 tháng đầu năm ước đạt 285 tấn, giảm 3,90%, tương ứng giảm 12 tấn so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thủy sản khai thác chủ yếu trên sông Hồng và sông Luộc, sản lượng khai thác ở sông, đầm, ao hồ nhỏ không nhiều vì nguồn nước thường bị ô nhiễm.

3. Sản xuất công nghiệp và xây dựng

a) Chỉ số sản xuất công nghiệp

Trong 6 tháng đầu năm 2023, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến rất phức tạp, đó là: cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, cạnh tranh thương mại ngày càng gay gắt hơn; xung đột quân sự giữa Nga và U-Crai-na kéo dài gây hậu quả nặng nề nhiều mặt; hậu quả đại dịch Covid-19 trên toàn cầu vẫn còn ảnh hưởng phải khắc phục nhiều năm; tình hình lạm phát có giảm nhưng vẫn ở mức cao, xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ, tiêu dùng, tình hình kinh tế ở các nước châu Âu, Mỹ và nhiều nước lớn vẫn tiếp tục trì trệ, suy thoái,... gây ảnh hưởng tiêu cực tới đầu tư, xuất nhập khẩu, tiêu dùng trên toàn thế giới, khiến số lượng các đơn hàng xuất khẩu tại thị trường truyền thống giảm, việc tìm kiếm các đơn hàng mới rất khó khăn. Các thách thức đối với kinh tế thế giới đã tác động tới phát triển kinh tế của Việt Nam, trong đó có sản xuất công nghiệp.

So với tháng trước, Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Sáu giảm 2,25%, trong đó: công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 2,72%; sản xuất và phân phối điện tăng 11,04%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,12%. Nhiều sản phẩm công nghiệp trong tháng có sản lượng sản xuất giảm so với tháng trước như: mỳ, phở, miến, bún, cháo ăn liền giảm 11,70%; thức ăn cho

gia cầm giảm 0,93%; rượu Vodka và rượu Cô nhắc giảm 20,0%; quần áo các loại giảm 5,62%; sản phẩm bằng plastic giảm 13,97%; bê tông trộn sẵn (bê tông tươi) giảm 10,42%; động cơ đa năng một chiều/xoay chiều có công suất >37,5 W giảm 17,39%; dây cách điện đơn dạng cuộn khác giảm 8,42%;... Bên cạnh đó, có một số sản phẩm có sản lượng sản xuất tăng so với tháng trước như: thức ăn cho gia súc tăng 1,56%; gỗ ốp, lát công nghiệp tăng 1,91%; thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn) tăng 6,30%; sơn và véc ni tan trong môi trường nước tăng 4,61%; sắt thép các loại tăng 0,65%; dây cách điện đơn dạng cuộn bằng đồng tăng 3,90%; điện thương phẩm tăng 11,04%;...

So với tháng cùng kỳ năm trước, Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng Sáu tăng 5,39%, trong đó: công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,78%; công nghiệp sản xuất, phân phối điện, nước nóng và hơi nước tăng 5,01%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải giảm 3,39%. Một số sản phẩm công nghiệp trong tháng có sản lượng sản xuất tăng so với cùng kỳ năm trước như: mỳ, phở, miến, bún, cháo ăn liền tăng 6,23%; thức ăn cho gia súc tăng 10,74%; thức ăn cho gia cầm tăng 5,85%; thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn) tăng 14,63%; sơn và véc ni tan trong môi trường nước tăng 14,96%; gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm tăng 2,51%; bê tông trộn sẵn (bê tông tươi) tăng 35,10%; sắt, thép các loại tăng 22,05%; dây cách điện đơn dạng cuộn bằng đồng tăng 7,24%; dây cách điện đơn dạng cuộn khác tăng 5,80%;... Các sản phẩm có sản lượng sản xuất giảm như: nước khoáng không có ga giảm 2,04%; quần áo các loại giảm 18,85%; gỗ ốp, lát công nghiệp giảm 3,03%; sản phẩm bằng plastic giảm 3,78%; sản phẩm vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ giảm 25,11%; động cơ đa năng một chiều/xoay chiều có công suất >37.5 W giảm 32,10%; phụ tùng khác của xe có động cơ giảm 3,92%;...

Tính chung sáu tháng đầu năm 2023, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6,16% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,53%; sản xuất và phân phối điện tăng 2,08%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,39%.

Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực trong 6 tháng đầu năm tăng so với cùng kỳ năm trước: mỳ, phở, miến, bún, cháo ăn liền tăng 1,78%; thức ăn cho gia cầm tăng 8,42%; nước khoáng không có ga tăng 11,51%; gỗ ốp, lát công nghiệp tăng 5,06%; sản phẩm bằng plastic tăng 13,99%; sản phẩm vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ tăng 24,11%; bê tông trộn sẵn (bê tông tươi) tăng 20,54%; dây cách điện đơn dạng cuộn khác tăng 5,23%;... Các sản phẩm có sản lượng sản xuất giảm so với cùng kỳ năm trước như: rượu Vodka và rượu Cô nhắc giảm 6,34%; quần áo các loại giảm 5,57%; sơn và véc ni tan trong môi trường nước giảm 14,33%; động cơ đa năng một chiều/xoay chiều có công suất >37.5 W giảm 3,60%; dây cách điện đơn dạng cuộn bằng đồng giảm 1,06%;...

b) Hoạt động xây dựng

Từ đầu năm đến nay, hoạt động xây dựng chịu ảnh hưởng không nhỏ của giá cả nguyên vật liệu xây dựng tăng cao, tuy nhiên kết quả vẫn đạt khá do xây dựng các công trình giao thông, kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp và các khu đô thị trên địa bàn tỉnh, điển hình là Dự án khu đô thị Vinhomes Ocean Park Hưng Yên và Dự án Khu đô thị Thương mại và Du lịch Văn Giang (Ecopark). Sáu tháng đầu năm 2023, giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá so sánh ước đạt 9.548.936 triệu đồng, tăng 13,65%, tương ứng tăng 1.146.669 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: xây dựng công trình nhà ở ước đạt 5.542.284 triệu đồng, tăng 10,12%; xây dựng công trình nhà không để ở 1.645.858 triệu đồng, giảm 14,29%; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng 1.356.875 triệu đồng, tăng 19,87%; hoạt động xây dựng chuyên dụng 1.003.920 triệu đồng, tăng 216,71%.

4. Hoạt động đầu tư và phát triển doanh nghiệp

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trong sáu tháng đầu năm 2023 ước đạt 33.040.519 triệu đồng, tăng 69,98% so với cùng kỳ năm trước với sự tăng mạnh cả ba khu vực kinh tế: khu vực vốn nhà nước 3.885.690 triệu đồng, tăng 37,05%; khu vực vốn ngoài Nhà nước 20.665.109 triệu đồng, tăng 74,12%; khu vực vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 8.489.720 triệu đồng, tăng 79,35%. Xét theo ngành kinh tế, vốn đầu tư phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 141.425 triệu đồng, giảm 61,08%; công nghiệp và xây dựng 10.119.305 triệu đồng, tăng 25,73%; thương mại, dịch vụ 22.779.790 triệu đồng, tăng 106,60% so với cùng kỳ năm 2022.

Vốn đầu tư ngân sách địa phương tháng Sáu ước đạt 951.530 triệu đồng, tăng 15,01% so với tháng trước và tăng 57,93% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 519.620 triệu đồng, tăng 7,86% so với tháng trước và tăng 61,21% so với cùng kỳ năm trước; vốn ngân sách cấp huyện 302.750 triệu đồng, tăng 21,06% so với tháng trước và tăng 98,83% so với cùng kỳ năm trước; vốn ngân sách cấp xã đạt 129.160 triệu đồng, tăng 35,21% so với tháng trước và tăng 0,96% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung sáu tháng đầu năm 2023, vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước địa phương ước đạt 3.627.783 triệu đồng, tăng 61,18% so với cùng kỳ năm 2022 và đạt 30,22% kế hoạch. Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 2.016.350 triệu đồng, tăng 63,53% so với cùng kỳ năm 2022 và đạt 29,24% kế hoạch; vốn ngân sách cấp huyện 1.243.374 triệu đồng, tăng 83,23% so với cùng kỳ năm 2022 và đạt 36,42% kế hoạch; vốn ngân sách cấp xã 368.059 triệu đồng, tăng 8,50% so với cùng kỳ năm 2022 và đạt 21,70% kế hoạch năm.

Hoạt động đầu tư nước ngoài: Tính đến 19/6/2023, toàn tỉnh có 521 dự án có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động, với tổng số vốn đăng ký là 6.509.174 nghìn USD, trong đó từ đầu năm đến nay có 18 dự án đăng ký mới

với số vốn đăng ký là 230.290 nghìn USD. Các quốc gia có số dự án, vốn đầu tư chủ yếu là: Thứ nhất là Nhật Bản có 170 dự án, vốn đăng ký là 3.702.503 nghìn USD, chiếm 56,88% tổng vốn đăng ký; thứ hai là Hàn Quốc có 146 dự án, vốn đăng ký 850.220 nghìn USD, chiếm 13,06% tổng vốn đăng ký; thứ ba là Trung Quốc có 131 dự án, vốn đăng ký 1.051.980 nghìn USD, chiếm 16,16% tổng số vốn đăng ký.

Phát triển doanh nghiệp: Lũy kế đến ngày 25/6/2023, trên địa bàn tỉnh có 14.677 doanh nghiệp đăng ký thành lập với tổng số vốn đăng ký đạt 192.761 tỷ đồng. Tính riêng từ ngày 01/01/2023 đến 25/6/2023, số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới đạt 799 doanh nghiệp, tăng 13,66% so với cùng kỳ năm 2022, với số vốn đăng ký 17.175 tỷ đồng, tăng 72,68%; số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động là 455 doanh nghiệp, tăng 19,42%; số doanh nghiệp giải thể là 85 doanh nghiệp, tăng 26,87%; số doanh nghiệp hoạt động trở lại là 194 doanh nghiệp, giảm 24,51%.

5. Thương mại, dịch vụ và giá cả

a) Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Sáu ước tính đạt 7.627.213 triệu đồng, giảm 4,67% so với tháng trước và tăng 85,95% so cùng kỳ năm trước. Cộng dồn 6 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng toàn tỉnh ước đạt 41.514.507 triệu đồng, tăng 98,75% so cùng kỳ năm trước.

Bán lẻ hàng hóa: Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng Sáu ước đạt 2.559.139 triệu đồng, tăng 7,90% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu bán lẻ tháng này tăng chủ yếu ở các nhóm ngành sau: lương thực, thực phẩm tương ứng tăng 18,29%; may mặc tăng 11,10%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 8,32%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 6,76%; nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu) tăng 31,89%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 56,63%;...

Tính chung sáu tháng đầu năm 2023, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 15.141.651 triệu đồng, tăng 16,58% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng chủ yếu ở một số nhóm hàng chính sau: lương thực, thực phẩm tăng 23,02%; hàng may mặc tăng 14,63%; đồ dùng dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 22,96%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 26,64%; phương tiện đi lại (trừ ô tô con, kể cả phụ tùng) tăng 8,51%; nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu) tăng 63,19%; hàng hóa khác tăng 37,20%;... Bên cạnh đó, có một số nhóm hàng hoá có doanh thu bán lẻ giảm so với cùng kỳ năm trước như: ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi) giảm 20,85%; xăng, dầu các loại giảm 25,06%; sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ giảm 6,54%.

Dịch vụ lưu trú, ăn uống: bước sang năm 2023, dịch Covid-19 tiếp tục được kiểm soát, ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống khởi sắc trở lại. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng Sáu ước đạt 237.568 triệu đồng, tăng 14,73% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: dịch vụ lưu trú 9.380 triệu đồng, tăng 9,12%; dịch

vụ ăn uống 228.188 triệu đồng, tăng 14,97%. Cộng dồn 6 tháng đầu năm 2023, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 1.426.794 triệu đồng, tăng 32,97% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: dịch vụ lưu trú 58.104 triệu đồng, tăng 37,25%; dịch vụ ăn uống 1.368.689 triệu đồng, tăng 32,80%.

Dịch vụ du lịch, lữ hành tháng Sáu ước đạt 4.193 triệu đồng, giảm 1,12% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung sáu tháng đầu năm 2023, doanh thu dịch vụ du lịch, lữ hành ước đạt 17.239 triệu đồng, tăng 44,63% so với cùng kỳ năm 2022.

Doanh thu ngành dịch vụ khác tháng Sáu ước đạt 4.826.313 triệu đồng, tăng 217,79% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: kinh doanh bất động sản 4.423.520 triệu đồng, tăng 340,42%; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ (trừ dịch vụ lữ hành) 174.861 triệu đồng, giảm 8,52%; giáo dục và đào tạo 69.297 triệu đồng, tăng 10,78%; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội 52.958 triệu đồng, tăng 13,38%; nghệ thuật, vui chơi và giải trí 10.842 triệu đồng, giảm 7,11%; dịch vụ khác 94.836 triệu đồng, giảm 6,21%.

Sáu tháng đầu năm 2023, doanh thu dịch vụ khác ước đạt 24.928.823 triệu đồng, tăng 265,83% so với cùng kỳ năm trước và là mức tăng cao trong nhiều năm trở lại gần đây. Hoạt động kinh doanh bất động sản có đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng của ngành dịch vụ khác. Cụ thể: kinh doanh bất động sản ước đạt 22.485.805 triệu đồng, tăng 473,66%; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ (trừ dịch vụ lữ hành) 1.035.731 triệu đồng, tăng 1,78%; giáo dục và đào tạo 517.981 triệu đồng, tăng 19,83%; dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội 268.916 triệu đồng, giảm 1,33%; nghệ thuật, vui chơi và giải trí 68.231 triệu đồng, tăng 27,01%; dịch vụ khác 552.159 triệu đồng, giảm 1,27%.

b) Chỉ số giá tiêu dùng, vàng, đô la Mỹ

Chỉ số giá tiêu dùng

So với tháng trước, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Sáu giảm nhẹ, giảm 0,01%. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 3 nhóm có chỉ số giá giảm so với tháng trước, cụ thể: hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,05%; đồ uống và thuốc lá giảm 0,13%; nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,35%. Có 6 nhóm có chỉ số giá tăng là: may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,07%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,55%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%; giao thông tăng 0,20%; văn hoá, giải trí và du lịch tăng 0,06%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,12%. Hai nhóm dịch vụ có chỉ số giá ổn định so với tháng trước là bưu chính viễn thông và giáo dục.

So với tháng cùng kỳ năm trước, chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2023 tăng 0,88%. Trong đó, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,13% (lương thực tăng 3,69%; thực phẩm tăng 0,65%; ăn uống ngoài gia đình tăng 1,39%); đồ uống và thuốc lá tăng 4,62%; hàng may mặc, mũ nón, giày, dép tăng 4,37%; nhà

ở và vật liệu xây dựng tăng 0,68%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 5,44%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,69%; dịch vụ giao thông giảm 10,91%; dịch vụ bưu chính, viễn thông giảm 0,44%; giáo dục tăng 3,80%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,78%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,85%.

Bình quân sáu tháng đầu năm 2023, chỉ số giá tiêu dùng tăng 2,22% so với cùng kỳ năm 2022. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 9 nhóm có chỉ số tăng so với cùng kỳ, cụ thể: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,68%; đồ uống và thuốc lá tăng 5,33%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 4,78%; nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 1,01%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 5,23%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,74%; giáo dục tăng 3,73%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,96%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,85%. Có 2 nhóm dịch vụ có chỉ số giảm là giao thông (giảm 2,50%) và bưu chính viễn thông (giảm 0,49%).

Chỉ số giá vàng

Thị trường vàng trong nước tháng 6/2023 có động thái giảm theo giá vàng trên thế giới. Nguyên nhân giá vàng thế giới giảm là do Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) đã quyết định giữ nguyên mức lãi suất để có thời gian đánh giá về các chính sách tiền tệ đã thực hiện trước đó. Hiện tại, giá vàng bình quân trong tỉnh đang ở mức xấp xỉ 5.555.000 đ/chỉ, giảm 0,94% so với tháng trước.

Chỉ số giá đô la Mỹ

Trên thế giới đồng USD đang có xu hướng giảm do những đánh giá không tốt về kinh tế thị trường Mỹ, đơn xin trợ cấp thất nghiệp tăng hàng tuần, lạm phát vẫn ở mức cao. Tuy nhiên, ở trong nước, tỷ giá của đồng Việt Nam với đồng USD tăng nhẹ so với tháng trước. Hiện ở tỉnh Hưng Yên, giá 1 USD tương đương 23.662 VNĐ, tăng 0,11% so với tháng trước.

6. Hoạt động vận tải

Doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi tháng Sáu ước đạt 524.488 triệu đồng, tăng 6,14% so với tháng trước và tăng 0,93% so với cùng kỳ năm trước. Sáu tháng đầu năm 2023, doanh thu vận tải, kho bãi ước đạt 3.059.420 triệu đồng, tăng 12,35% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

Vận tải hành khách: Doanh thu vận tải hành khách toàn tỉnh tháng Sáu ước đạt 77.687 triệu đồng, tăng 1,56% so với tháng trước và tăng 2,65% so với cùng kỳ năm trước. Số hành khách vận chuyển và luân chuyển toàn tỉnh ước đạt 1,54 triệu người và 98,61 triệu người.km; tương ứng tăng 2,55% và 27,57% so cùng kỳ.

Tính chung sáu tháng đầu năm 2023, tổng doanh thu hoạt động vận tải hành khách ước đạt 457.524 triệu đồng, tăng 12,22% so với cùng kỳ; tổng số hành khách vận chuyển và luân chuyển toàn tỉnh ước đạt 8,78 triệu người và 571,01 triệu người.km; tương ứng tăng 9,52% và 31,15%.

Vận tải hàng hóa: Doanh thu vận tải hàng hóa tháng Sáu ước đạt 372.159 triệu đồng, tăng 7,31% so với tháng trước và tăng 0,72% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển ước đạt 0,58 triệu tấn và 133,96 triệu tấn.km; tương ứng tăng 11,07% và 0,22% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung sáu tháng đầu năm 2023, tổng doanh thu hoạt động vận tải hàng hóa ước đạt 2.162.178 triệu đồng, tăng 14,84%; khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển ước đạt 3,39 triệu tấn và 745,15 triệu tấn.km; tương ứng tăng 15,23% và 6,35% so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải: doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải ước tháng Sáu đạt 56.085 triệu đồng, tăng 6,57% so với tháng trước và giảm 8,25% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 326.197 triệu đồng, giảm 5,14% so với cùng kỳ năm trước.

7. Hoạt động tài chính, ngân hàng

a) Thu ngân sách nhà nước

Thu ngân sách nhà nước tháng Sáu ước đạt 2.917.492 triệu đồng, giảm 63,13% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó: thu nội địa 2.632.924 triệu đồng, giảm 64,93%; thu hải quan 284.568 triệu đồng, giảm 29,81%. Một số khoản thu trong tháng dự tính như sau: thu từ doanh nghiệp nhà nước 13.308 triệu đồng, tăng 27,27%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 86.466 triệu đồng, tăng 42,32%; thu từ khu vực ngoài quốc doanh 1.936.425 triệu đồng, tăng 1.082,12%; thuế thu nhập cá nhân 74.445 triệu đồng, tăng 3,92%; thu phí, lệ phí 32.518 triệu đồng, giảm 8,92%; các khoản thu về đất 427.222 triệu đồng, giảm 93,96%

Tính chung sáu tháng đầu năm 2023, thu ngân sách nhà nước ước đạt 16.095.323 triệu đồng, giảm 38,93% so với cùng kỳ năm trước và đạt 70,22% kế hoạch năm. Trong đó: Thu nội địa 14.400.000 triệu đồng, giảm 39,99% và đạt 79,03% kế hoạch; thuế xuất nhập khẩu 1.695.323 triệu đồng, giảm 28,15% và đạt 36,07% kế hoạch. Một số khoản thu nội địa như sau: Thu từ doanh nghiệp nhà nước 93.000 triệu đồng, giảm 30,17%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 1.430.000 triệu đồng, tăng 41,84%; thu từ khu vực ngoài quốc doanh 8.205.000 triệu đồng, tăng 210,29%; thu phí, lệ phí 260.000 triệu đồng, giảm 7,96%; thuế thu nhập cá nhân 750.000 triệu đồng, tăng 10,10%; các khoản thu về đất 3.208.000 triệu đồng, giảm 82,86% so với cùng kỳ năm trước.

b) Chi ngân sách nhà nước

Tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 23/6/2023, chi ngân sách nhà nước địa phương đạt 10.048.084 triệu đồng. Trong đó: chi đầu tư phát triển 6.922.487 triệu đồng; chi thường xuyên 3.125.597 triệu đồng. Một số lĩnh vực chi thường

xuyên như sau: Chi sự nghiệp kinh tế 248.445 triệu đồng; chi giáo dục, đào tạo 1.171.583 đồng; chi sự nghiệp y tế 308.175 triệu đồng; chi sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao 57.140 triệu đồng; chi đảm bảo xã hội 292.274 triệu đồng; chi quản lý hành chính 764.025 triệu đồng.

c) Hoạt động ngân hàng

Sáu tháng đầu năm 2023, các tổ chức tín dụng trên địa bàn đã triển khai đa dạng các sản phẩm tiết kiệm với các mức lãi suất linh hoạt để tập trung thu hút nguồn vốn nhân rồi trong dân cư, tăng nguồn vốn tự huy động, đáp ứng kịp thời vốn cho phát triển kinh tế địa phương. Kết quả, nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh tăng khá so với cuối năm 2022.

Tổng nguồn vốn hoạt động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh ước tính đến 30/6/2023 đạt 128.356.050 triệu đồng, tăng 9.757.775 triệu đồng, tương ứng tăng 8,23% so với thời điểm 31/12/2022. Trong đó: Nguồn vốn huy động trong dân cư và các tổ chức kinh tế đạt 120.331.017 triệu đồng, tăng 8,93% và chiếm 93,75% tổng nguồn vốn.

Ước tính đến 30/6/2023, tổng dư nợ cho vay của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đạt 87.945.488 triệu đồng, tăng 1.301.939 triệu đồng (tăng 1,50%) so với thời điểm 31/12/2022, cụ thể, phân theo kỳ hạn: dư nợ cho vay ngắn hạn 62.424.606 triệu đồng, tăng 1,22%; dư nợ cho vay trung, dài hạn 25.520.882 triệu đồng, tăng 2,21%; phân theo nội ngoại tệ: dư nợ cho vay bằng nội tệ 84.461.593 triệu đồng, tăng 1,15%; dư nợ cho vay bằng ngoại tệ (quy VNĐ) 3.483.895 triệu đồng, tăng 11,02%. Về chất lượng tín dụng: Nợ xấu (nhóm 3,4,5) là 1.385.819 triệu đồng (chiếm 1,58% tổng dư nợ), tăng 76,65% so với thời điểm 31/12/2022.

8. Một số hoạt động xã hội

a) Đời sống dân cư và bảo đảm an sinh xã hội

Bước sang năm 2023, dịch bệnh được kiểm soát, các hoạt động kinh tế dần phục hồi và phát triển. Cùng với đó, các chính sách mới về lao động, tiền lương được triển khai thực hiện đã đem lại các hiệu ứng tích cực tác động trực tiếp đến đời sống của người lao động trên địa bàn tỉnh. Tình hình giá cả các loại hàng hóa cơ bản ổn định và được kiểm soát chặt chẽ. Do vậy, đời sống Nhân dân tiếp tục ổn định. Một số công tác bảo đảm an sinh xã hội như sau:

Nhân dịp Tết Quý Mão 2023, toàn tỉnh tổ chức thăm, tặng quà 158.455 lượt người có công, gia đình liệt sỹ, người cao tuổi, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng xã hội khác; tổng kinh phí dành cho hoạt động thăm, tặng quà trên 92 tỷ đồng (trong đó ngân sách tỉnh gần 44 tỷ đồng), tăng 25 tỷ đồng so với Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022.

Trong sáu tháng qua, tỉnh đã thực hiện kịp thời, đầy đủ chế độ ưu đãi người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội. Tiếp nhận và xét duyệt khoảng 3.000 hồ sơ giải quyết chế độ đối với người có công và thân nhân người có công. Thẩm

định hồ sơ, tiếp nhận 14 đối tượng bảo trợ xã hội vào nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội. Triển khai các hoạt động Tháng hành động vì trẻ em và tổ chức Diễn đàn trẻ em năm 2023. Tổ chức các hoạt động truyền thông, tập huấn nghiệp vụ về bảo trợ xã hội, trẻ em, phòng chống tệ nạn xã hội.

b) Lao động việc làm

Trong sáu tháng đầu năm 2023, tỉnh đã tổ chức Ngày hội tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm cấp tỉnh với sự tham gia của trên 50 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và gần 2.000 lượt học sinh, sinh viên, người lao động; tổ chức 16 phiên giao dịch việc làm và 20 điểm Ngày hội tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp cấp cấp sở.

Tổ chức tuyên truyền Tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động năm 2023; kiểm tra việc thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động tại 15 doanh nghiệp. Trong 6 tháng đầu năm, toàn tỉnh tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp khoảng 23.000 người (đạt 36,8% kế hoạch năm, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2022); giải quyết việc làm cho khoảng 14.740 người (đạt 61,4% kế hoạch năm, tăng 28% so với cùng kỳ năm 2022); trong đó xuất khẩu lao động cho 2.038 người.

c) Hoạt động văn hoá, thể thao

Trong 6 tháng đầu năm, toàn tỉnh đã tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ chào mừng các ngày lễ, ngày kỷ niệm của đất nước, của tỉnh.

Thư viện tỉnh tổ chức 01 cuộc trưng bày, triển lãm kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930- 03/02/2023); trưng bày Báo Xuân Quý Mão 2023; phối hợp với Trường THPT và THCS Hoàng Hoa Thám, huyện Tiên Lữ tổ chức nói chuyện chuyên đề với đề tài: “Văn hóa đọc cho thanh thiếu niên - học sinh trong thời đại công nghệ số”; tổ chức cuộc thi vẽ tranh theo sách cho học sinh Tiểu học và THCS trên địa bàn huyện Kim Động; tổ chức chương trình phát động, hưởng ứng Ngày Sách và văn hóa đọc Việt Nam năm 2023; nói chuyện chuyên đề, giao lưu về sách và văn hóa đọc; trưng bày, giới thiệu sách, xếp mô hình sách nghệ thuật tại Trung tâm Văn hóa và Truyền thanh huyện Kim Động.

Nhà hát Chèo đã tổ chức biểu diễn 40 buổi trong và ngoài tỉnh để tuyên truyền, phục vụ nhiệm vụ chính trị và nhu cầu hưởng thụ văn hóa của Nhân dân. Trọng tâm là: Biểu diễn nghệ thuật tại lễ khai mạc trưng bày chuyên đề “Chợ Tết Việt” tại Bảo tàng tỉnh; biểu diễn chương trình nghệ thuật chào đón Xuân Quý Mão 2023 và Kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2023) tại Quảng trường Nguyễn Văn Linh; kỷ niệm 133 năm ngày sinh nhật Bác 19/5. Tham gia cuộc thi tài năng diễn viên chèo toàn quốc 2023 tại Thanh Hóa, có 03 diễn viên đạt giải: 01 giải nhất, 01 giải nhì và 01 giải diễn viên trẻ tài năng; tham gia giải thưởng Đào Tấn, vở diễn “Ván cờ oan trái” đạt giải vở diễn xuất sắc và 02 cá nhân đạt giải vai diễn xuất sắc; tham gia Liên hoan các trích đoạn hay nghệ thuật sân khấu toàn quốc tại Hà Nam.

Trung tâm văn hóa - Điện ảnh tỉnh đã tổ chức 352 buổi chiếu phim (trong đó có 66 buổi chiếu phim lưu động tại các huyện, thị xã và 286 buổi chiếu phim tại Rạp) phục vụ nhiệm vụ chính trị và nhu cầu hưởng thụ văn hóa, giải trí của Nhân dân.

Thể thao quần chúng: sáu tháng đầu năm 2023, tỉnh đã tổ chức thành công 08 giải thể thao quần chúng cấp tỉnh; tham gia giải Bóng chuyền hơi trung cao tuổi toàn quốc năm 2023, giành 01 cúp, huy chương vàng nam nhóm tuổi 47 - 51; 01 Huy chương bạc nữ nhóm tuổi 47-53 và 01 Huy chương đồng nam nhóm tuổi 52 - 58 tuổi và 01 cờ xuất sắc do Trung ương hội Người cao tuổi Việt nam trao tặng.

Thể thao thành tích cao: Tính đến ngày 31/5/2023, đoàn thể thao của tỉnh đã tham gia thi đấu 09 giải quốc gia, đạt 28 huy chương các loại, trong đó có 4 HCV, 8 HCB, 16 HCD. Có 03 VĐV tham gia thi đấu ở Seagame's 32 Campuchia, ở các môn Pencaksilat và Arnis, kết quả đạt 2 HCD, trong đó 01 HCD quyền biểu diễn đôi nam Ganda môn Pencak Silat. Đội tuyển bóng đá nhi đồng U11 tham dự vòng đấu loại khu vực tại tỉnh Thái Bình đã giành quyền vào vòng Chung kết.

d) Hoạt động y tế

Tình hình dịch bệnh Covid-19: Tính từ khi có dịch Covid-19 (năm 2020) đến ngày 15/6/2023, toàn tỉnh ghi nhận 245.366 ca dương tính (không tính các ca dương tính là người nhập cảnh cách ly). Tính từ tháng 03/2021 đến nay, ngành y tế đã triển khai các đợt tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên tại 179 điểm tiêm vắc xin phòng Covid-19 trong toàn tỉnh. Tổng số đối tượng từ 18 tuổi trở lên có 837.378 người tiêm 1 mũi, số người được tiêm đủ 2 mũi là 861.564 người, số người tiêm mũi 3 là 901.348 người. Tổng số đối tượng từ 12-17 tuổi có 112.803 trẻ tiêm mũi 1, số trẻ được tiêm đủ 2 mũi là 112.803 trẻ em, số trẻ tiêm mũi 3 là 64.856 trẻ em. Công tác tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 trên địa bàn tỉnh được tổ chức bảo đảm quy trình tiêm chủng an toàn. Đến ngày 15/6/2023, toàn tỉnh đã sử dụng hết 3.300 liều vắc xin AstraZeneca đợt 44 để tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên.

Công tác phòng chống bệnh truyền nhiễm khác: Công tác giám sát dịch được thực hiện thường xuyên, bảo đảm chế độ trực dịch và báo cáo dịch theo đúng quy định. Các bệnh truyền nhiễm gây dịch nguy hiểm như: Cúm A (H5N1), Sởi, Tả, Viêm Não NBB, SD/SXH,... được kiểm soát tốt. Trong 6 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh không có vụ dịch nào xảy ra.

e) Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ

Từ ngày 16/5/2023 đến ngày 15/6/2023, toàn tỉnh đã phát hiện 45 vụ vi phạm môi trường, tăng 21 vụ so với tháng trước và tăng 44 vụ so với cùng kỳ năm trước. Các cơ quan chức năng có thẩm quyền đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 41 vụ, với số tiền xử phạt 39 triệu đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2023 (từ ngày 16/12/2022 - 15/6/2023), trên địa bàn toàn tỉnh đã phát hiện 146 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 130 vụ với số tiền xử phạt là 657 triệu đồng.

Cũng từ ngày 16/5/2023 đến ngày 15/6/2023, trên địa bàn tỉnh xảy ra 3 vụ cháy tại huyện Văn Lâm, không có vụ nổ, trong đó có 2 vụ cháy cơ sở kinh doanh và 1 vụ cháy xưởng sản xuất, làm chết 1 người và làm bị thương 1 người. Trong 6 tháng đầu năm (từ 16/12/2022 đến 15/6/2023), toàn tỉnh đã xảy ra 8 vụ cháy, không có vụ nổ, làm chết 1 người, làm bị thương 1 người.

f) An toàn giao thông

Theo số liệu của Ban An toàn giao thông tỉnh Hưng Yên, từ ngày 15/5/2023 đến 14/6/2023, toàn tỉnh xảy ra 16 vụ tai nạn giao thông, đều là tai nạn đường bộ, làm chết 14 người, làm bị thương 7 người. So với tháng trước, số vụ tai nạn tăng 1 vụ, tăng 6,67%; số người chết tăng 3 người, tăng 27,27%; số người bị thương giảm 7 người, giảm 50,0%. Tính từ ngày 15/12/2022 đến hết ngày 14/6/2023, toàn tỉnh đã xảy ra 71 vụ tai nạn giao thông, làm chết 56 người, làm bị thương 49 người. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn tăng 5 vụ, tăng 7,58%; số người chết tăng 6 người, tăng 12,0%; số người bị thương tăng 2 người, tăng 4,26%./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Đ/c Bí thư, Phó Bí thư TTTU, TVTU;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh uỷ;
- VP UBND tỉnh;
- VP HĐND tỉnh;
- Sở KHĐT;
- Ban Tuyên giáo TU;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Đào Trọng Truyền